



本校
Main



東京校
Tokyo



楽しく勉強、
笑顔で卒業



法務省告示校



KIJ 語学院

Kobe International Japanese Language Academy
一般財団法人 日本語教育振興協会 認定校

Admission Guidance

入学案内

本校 Main

〒652-0807
兵庫県神戸市兵庫区浜崎通3-7
3-7 Hamasakidori, Hyogo-ku, Kobe-city,
Hyogo, Japan 652-0807
TEL.078-945-7555 FAX.078-945-7556



- JR兵庫駅から徒歩約2分
- 阪神電車大開駅から徒歩約7分

東京校 Tokyo

〒113-0022
東京都文京区千駄木4丁目1-16-107号
4-1-16-107 Sendagi, Bunkyo-ku,
Tokyo, Japan 113-0022
TEL.03-5832-9556 FAX.03-5832-9557



- JR西日暮里駅から徒歩約7分
- 東京メトロ千代田線西日暮里駅・千駄木駅から徒歩約8分




KIJ 語学院

Kobe International Japanese Language Academy
E-mail: kobe2009@kijla.com



<https://www.kij123.com>

人を育てるのは心から始める

本学の学章は「木」の形で「KIJ」の頭文字の「K」を表すとともに、「すくすくと育つ木のように、グローバルに成長してほしい」という願いを象徴しています。本学院は「日本語」を教える語学学校として、「日本語」の勉強が好きになるように、学生に明るくそして楽しい「勉強の場」を提供し、学生の家族が安心して、本学院に子弟をゆだねる事ができるように学生一人ひとりとしっかりと向き合い、成長を見守り、求めていることを大切に、それぞれの適性や能力を見極め、夢の実現に向けて手厚くサポートします。

Human Education Begins from Educating the Heart

Our school emblem represents the first alphabet "K" of our school name in the form of a "tree", symbolizing our wish to "grow globally like a strong and healthy tree". As a language school teaching "Japanese", we provide students with a fun and enjoyable "place of study" to get them to enjoy learning "Japanese". Families of students can feel at ease entrusting them to us because we give each and every student's personal development our full attention. We value individual goals, identify unique aptitudes and abilities, and provide sincere support for the realization of every student's dreams.

育人始于育心

本校の标志是一棵树的形状，也是KIJ语学院的“K”的表现，象征着“如茁壮成长的树木一样，成长为全球化人才”的寓意。本学院作为一个教授“日语”的语言学校，为使学生们能喜欢上“日语”，为了能给学生们提供一个快乐的“学习场所”，让学生的家长们放心地将子女们委托给我们，我们认真地面对每一位学生，守护他的成长，珍视他的追求，发现学生各自的适应性与能力，为其实现理想进行坚实有力的辅导。

Giáo dục con người bắt đầu từ trái tim

Huy hiệu trường của chúng tôi có hình dạng giống như một cái cây「木」được thể hiện bằng chữ「K」là chữ cái đầu trong từ KIJ, cùng với đó là tượng trưng cho mong muốn "phát triển toàn cầu như một cái cây lớn lên nhanh chóng". Là một trường ngôn ngữ giảng dạy "tiếng Nhật", chúng tôi mang đến cho học sinh một "không gian học tập" tươi sáng và thú vị để các em trở nên yêu thích học tập tiếng Nhật. Để gia đình của các em có thể yên tâm gửi gắm con em mình đến học tập tại trường, chúng tôi luôn dõi theo từng bước trưởng thành của các em, trân trọng những mong muốn của các em, nhận rõ năng khiếu và khả năng của các em, hỗ trợ một cách sâu rộng để các em thực hiện được ước mơ của mình.



学院長挨拶

本校学院長
林文如
Main school principal
LIN WENRU



Greetings from the Principal

学院院长致辞

LỜI CHÀO TỪ HIỆU TRƯỞNG NHÀ TRƯỜNG

本校では、「楽しく勉強・笑顔で卒業」をモットーに日本語教育を進め、校内奨学金として5種類を設けており、学費から奨学金という形で頑張った学生に還元し続けてまいりました。KIJ語学院を選んできた留学生に学費以上の価値あるものを身につけてもらい、楽しく勉強、笑顔で卒業することを理念に教職員が丸となって全力で留学生を指導しています。学生の成功の鍵は学生自身の努力にかかっていますが、私たちは、すべての学生が目標を達成できるようよりよい学習環境の提供に頑張っております。教育管理、進学指導、生活ケアなども充実しております。今述べたことをモットーに、KIJ語学院をさらに向上させていきたいと考えております。日本留学を考えている皆さんは最終的にどんな選択をしても、成功への道を歩んでほしいと心から願っています。

Our academy develops Japanese language education guided by our school motto "study with pleasure and graduate with satisfaction". And we have established five types of scholarships to reward students for their efforts. In order to make the overseas students who choose KIJ gain more, the faculty and staff make concerted efforts to guide them. Although the key to students' success lies in their own endeavors, we strive to provide a better learning environment, education management, university guidance as well as assistance in life for all students to achieve their goals. I want to make KIJ Language Academy better with the guidance of the motto mentioned above. And I sincerely wish all of you who are considering studying in Japan, no matter what choice you make, you will be on your way to success.

本校以“轻松愉快地学习，心满意足地毕业”为座右铭进行日语教育，并设立了5种校内奖学金，通过从学费到奖学金的形式不断回馈努力的学生。为了让选择了KIJ语学院的留学生得到超越学费价值的收获，以轻松愉快地学习，心满意足地毕业为理念，全体教职员工齐心协力地竭尽全力指导留学生。虽说学生成功的关键在于学生自身的努力，但我们为了让所有学生都能达到目标，努力提供更好的学习环境。教育管理、升学指导、生活辅导等方面也很充分。我想以上面说到的座右铭，将KIJ语学院办得更好。衷心地祝愿考虑日本留学的大家，无论最终做何选择，都能迈向成功之路。

Tại trường chúng tôi luôn đẩy mạnh việc giáo dục tiếng Nhật với phương châm "học tập vui vẻ và tốt nghiệp với nụ cười trên môi", chúng tôi đã thiết lập 5 loại học bổng trong trường, và chúng tôi tiếp tục việc hoàn tặng lại học phí từ hình thức trao học bổng cho những học sinh chăm chỉ. Các giáo viên và nhân viên nhà trường đều đồng lòng, dốc sức để hướng dẫn các du học sinh với triết lý đem đến cho các em học sinh đã lựa chọn Học viện Ngôn ngữ KIJ những điều đáng giá hơn học phí mà các em đã đóng góp, học tập vui vẻ và tốt nghiệp với nụ cười trên môi. Mặc dù chia khóa thành công của học sinh phụ thuộc vào chính nỗ lực của các em, nhưng chúng tôi luôn cố gắng mang đến cho các em một môi trường học tập tốt nhất để tất cả các em học sinh có thể đạt được mục tiêu của mình. Công tác quản lý giáo dục, hướng dẫn tiến học, chăm sóc đời sống du học sinh... của nhà trường cũng được tiến hành một cách đầy đủ nhất. Với phương châm đã nêu trên, tôi mong muốn Học viện ngôn ngữ KIJ sẽ ngày càng hoàn thiện hơn nữa. Tôi mong rằng, với tất cả các em học sinh đang nghĩ đến du học Nhật Bản, dù cuối cùng có lựa chọn gì đi chăng nữa, thì tôi cũng luôn chân thành hy vọng rằng các em sẽ bước đến con đường thành công.

「KIJ」8つの特徴

- 1 1人1人の学生が求めていることを大切に、それに応じた指導をする。
- 2 生活指導員が24時間365日対応する。元留学生のスタッフ（英語、中国語、ベトナム語に対応）が日本での生活をサポートする。
- 3 さまざまな学内奨学金（ほとんど人数制限なし）。学生たちの学習意欲を高めるために、独自の奨学金制度を設けており、取得率は約50%に達している。
- 4 整った進路指導体制によるサポート。全て正規日本語教師資格をもつネイティブ講師による授業をしており、ベテラン講師も多数在籍している。毎年名門大学や大学院に合格者を多数輩出している。
- 5 課外授業の充実。校内授業だけではなく校外に出ることにより幅広い日本文化の習得を体験する。
- 6 大学の提携特別クラスあり、当該大学の特別奨学金、入学免除などの優遇制度が受けられる。
- 7 グループ校（関西国際旅行・ホテル専門学校）へ内部推薦進学制度がある。
- 8 日本語学校災害補償制度への加入。在学中の登校下校時のけがや病気の治療費は国民健康保険での負担となる30%分をカバーする。

KIJ語学院東京校は、しっかりした理念と経験を持つ、留学生のための日本語学校です。日本の首都東京で皆さんが留学生生活を通して日本の文化を体得することにより、皆さんの母国と日本を繋ぐよき人材となること、又、皆さん一人一人の夢を実現へと導いていくこと、それが理念の根本にあります。そして同時に私たちも皆さんとの交流から多くのことを学ぶことになります。若い皆さんの限りない可能性を伸ばすために私たちも努力を惜しみません。私たちは心から皆さんの入学を待ち望んでいます。

KIJ Language Academy Tokyo School is a Japanese language school catered to international students with clear vision and experience. The foundation of our philosophy lies in enabling our international students to become talented individuals serving as a bridge between their home country and Japan, and guiding every single student to realize their dreams, by virtue of first-hand experience of Japanese culture through study abroad life in Tokyo, the capital of Japan. While we interact with you, we also simultaneously learn many valuable lessons. We will put in our best efforts to expand the limitless potential of every young student under our wing. We sincerely look forward to your admission to our school.

KIJ语学院东京校是一所有着严谨的办学理念和丰富的教学经验的，专为留学生服务的日语语言学校。在日本的首都东京，留学生们通过留学生生活亲身体验日本文化固然极为重要，然而学校更将以将同学们培养成连通祖国与日本的优秀人才，做每位同学实现自己梦想的引路人目标，并以此为办学理念的根。与此同时，我们也在与大家的交流中获益良多。为发扬年轻的同学们无限大的可能性，我们将不惜一切努力。我们衷心地期待同学们的到来。

Học viện ngôn ngữ KIJ- Cơ sở Tokyo là trường dạy tiếng Nhật dành cho du học sinh với triết lý và kinh nghiệm vững chắc. Tại Tokyo, thủ đô của Nhật Bản, thông qua cuộc sống du học, các em có thể học hỏi được văn hóa Nhật Bản, từ đó chính các em có thể trở thành nguồn nhân lực tốt kết nối Nhật Bản với đất nước của mình và chấp cánh cho ước mơ của mỗi các em có thể trở thành hiện thực. Đó là gốc rễ trong triết lý của chúng tôi. Và đồng thời, chúng tôi học hỏi được nhiều điều từ những giao lưu với các em. Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để mở rộng khả năng không giới hạn của những người trẻ. Chúng tôi chân thành mong đợi sự nhập học của các em.

8 Characteristics of Kobe International Japanese Language Academy

1. Value goals of every individual student and provide guidance accordingly.
2. Student guidance counsellors active 24 hours a day, 7 days a week. Staff who are former international students (speaking English, Chinese, Vietnamese) provide support for living in Japan.
3. Various scholarship awards within the school, no restriction to the number of recipients. We have established our own scholarship system to increase students' motivation to learn. The acquisition rate has reached about 50%.
4. Support system with well-established academic and career guidance system. All our Japanese teachers speak Japanese as their native language, received training at formal training institutions, and many of them have long years of experience in teaching. Every year, we produce many successful candidates enrolled at prestigious universities and graduate schools.
5. Enriched with extracurricular lessons. Learn about a broad range of Japanese culture outdoors as well as through in-school classes.
6. There are direct admission classes at the university, and you can enjoy preferential treatment such as scholarships and admission fee waivers specially designed by the university.
7. Possible to further education to affiliated school (Kansai International Institute of Tourism and Hospitality) through internal recommendation.
8. Enrollment in Japanese Language School Disaster Compensation System while studying at our school, thereby covering 30% of medical expenses borne in case of injury or illness with National Health Insurance during commute to and from school.

8大特点

1. 重视每一位学生的追求，并实施与之对应的指导。
2. 生活指导员24小时365天对应。曾经历过留学生生活的职员（英语、中文、越南语）为大家的在日生活（生活支援）保驾护航。
3. 多种多样的校内奖学金，没有人数限制。为提高学生的学习欲望和热情，设立学校自己独有的奖学金制度，获得率高达约50%左右。
4. 完备的升学指导体系。所有的日语教师均以日语为母语，并有大量在正规的教师研修机关受过训练，有着长年教育经验的讲师任职，每年都有众多毕业生考入知名大学或大学院。
5. 充实的课外学习。不光是在学校内学习，更会走出教室广泛地学习日本文化。
6. 校内设有大学的直升班，可以享受该大学专门设置的奖学金以及入学金减免等优惠待遇。
7. 可以内部推荐升学至集团姊妹校（关西国际旅行·酒店专门学校）。
8. 加入日本語学校災害補償制度，在上放学路上受伤或生病时花费的治疗费用，单凭国民健康保险所需自己负担的那30%也会得到保障。

08 Đặc trưng của Học viện ngôn ngữ KIJ

1. Trân trọng những mong muốn của học sinh, từ đó đưa ra những hướng dẫn phù hợp
2. Nhân viên hỗ trợ đời sống, hỗ trợ 24h/365 ngày. Đội ngũ nhân viên vốn là các cựu du học sinh (có thể sử dụng tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt Nam) hỗ trợ cuộc sống du học sinh tại Nhật Bản
3. Nhà trường có nhiều loại học bổng, không giới hạn số lượng. Để nâng cao ý chí, nguyện vọng học tập của học sinh, nhà trường thiết lập chế độ học bổng riêng của trường. Tỷ lệ nhận được học bổng đạt khoảng 50%.
4. Thể chế hỗ trợ định hướng tương lai rõ ràng. Ngôn ngữ tiếng Mẹ đẻ của tất cả giáo viên giảng dạy tiếng Nhật đều là ngôn ngữ tiếng Nhật, được đào tạo tại cơ sở đào tạo giáo viên chính quy, có nhiều giáo viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục đang giảng dạy tại trường, hàng năm có nhiều học sinh đỗ vào các trường đại học và cao học danh tiếng.
5. Tăng cường các giờ học ngoại khóa. Tiếp thu văn hóa Nhật Bản một cách đa dạng không chỉ ở trong các giờ học trong lớp, mà còn từ các giờ học ngoại khóa
6. Có lớp học đặc biệt của trường đại học liên kết và sẽ được nhận nhiều ưu đãi như học bổng đặc biệt, miễn lệ phí nhập học từ trường đại học.
7. Có thể tiến cử nội bộ trong hệ thống Group trường (Trường senmon Khách sạn và Du lịch Quốc tế Kansai)
8. Tham gia thể chế bồi thường thảm họa các trường Nhật ngữ, hỗ trợ chi trả 30% gánh nặng chi phí điều trị thương tật, bệnh tật có xảy ra trong thời gian có mặt ở trường hay tan học của các học sinh khi sử dụng Bảo hiểm y tế quốc dân

東京校学院長
大谷 雅子
Tokyo school principal
MASAKO OHTANI



コース

進学2年コース	4月入学 (授業時間1520時間)
進学1年9か月コース	7月入学 (授業時間1330時間)
進学1年6か月コース	10月入学 (授業時間1140時間)
進学1年3か月コース	1月入学 (授業時間950時間)

Courses

2-year Higher Education Preparatory Course	Enroll in April (1520 class hours)
1-year-9-month Higher Education Preparatory Course	Enroll in July (1330 class hours)
1-year-6-month Higher Education Preparatory Course	Enroll in October (1140 class hours)
1-year-3-month Higher Education Preparatory Course	Enroll in January (950 class hours)

课程

升学2年课程	4月入学 (上课时间1520小时)
升学1年9个月课程	7月入学 (上课时间1330小时)
升学1年6个月课程	10月入学 (上课时间1140小时)
升学1年3个月课程	1月入学 (上课时间950小时)



KHÓA HỌC

Khóa học lên cao 2 năm	nhập học tháng 4 (số giờ học 1520 giờ)
Khóa học lên cao 1 năm 9 tháng	nhập học tháng 7 (số giờ học 1330 giờ)
Khóa học lên cao 1 năm 6 tháng	nhập học tháng 10 (số giờ học 1140 giờ)
Khóa học lên cao 1 năm 3 tháng	nhập học tháng 1 (số giờ học 950 giờ)

到達レベル

初級 (380時間)	自然な発音練習から出発し、日常生活に必要な最低限のコミュニケーション能力を養う。
初中級 (80時間)	基礎的な文型を定着させながら中級への橋渡しをする。
中級 (500時間)	日本語能力試験N2レベルの力を養う。
上級 I (400時間)	日本語能力試験N1レベルの力を養う。大学進学を実現するべく、実践力をつける。
上級 II (160時間)	大学などの高等教育機関でスムーズに学生生活が始められるようにする。

Attainment Level

Elementary (380hours)	Start from natural pronunciation exercises and cultivate foundational communication skills necessary for daily life.
Pre-Intermediate (80 hours)	Establish basic sentence patterns and prepare for intermediate level.
Intermediate (500 hours)	Cultivate Japanese proficiency level N2. With the mind of going on to university, study material corresponding to the EJU exam.
Advanced I (400 hours)	Cultivate Japanese proficiency level N1. Establish skills to make your dream of advancing to university a reality.
Advanced II (160 hours)	Study to make a smooth transition into a higher educational system such as university.

达到级别

初級 (380小时)	从自然的发音练习开始,通过严格的教学使学生具备日常生活必要的最低限度的对话交流能力。
初中级 (80小时)	巩固学生的基础句型,为进入中级日语的学习做准备。
中級 (500小时)	具备日语能力试验的N2合格程度。
上級 I (400小时)	达到日语能力试验的N1合格程度。使学生掌握实践能力,实现进入大学等的愿望。
上級 II (160小时)	为进入大学,大学院,专门学校做充分准备。使学生在大学,大学院及专门学校学习期间能够无障碍地开始新的学习生活。

CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC

Sơ cấp (380 giờ)	Bắt đầu từ việc luyện tập phát âm sao cho thật tự nhiên, bồi dưỡng khả năng giao tiếp cần thiết trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày.
Sơ trung cấp (80 giờ)	Nắm vững các mẫu câu căn bản làm cầu nối để học chương trình trung cấp.
Trung cấp (500 giờ)	Bồi dưỡng năng lực tiếng Nhật trình độ N2 kì thi năng lực Nhật ngữ
Nâng cao I (400 giờ)	Bồi dưỡng năng lực tiếng Nhật trình độ N1 kì thi năng lực Nhật ngữ. Trang bị kỹ năng thực tiễn để có thể học lên đại học.
Nâng cao II (160 giờ)	Giúp học sinh có thể hòa nhập và sinh hoạt tốt trong các môi trường có yêu cầu cao về tiếng như đại học.

コース期間及びレベル Course Duration and Level

神戸校 Kobe	1年目 Year 1												2年目 2nd year											
	4月 Apr.	5月 May	6月 Jun.	7月 Jul.	8月 Aug.	9月 Sep.	10月 Oct.	11月 Nov.	12月 Dec.	1月 Jan.	2月 Feb.	3月 Mar.	4月 Apr.	5月 May	6月 Jun.	7月 Jul.	8月 Aug.	9月 Sep.	10月 Oct.	11月 Nov.	12月 Dec.	1月 Jan.	2月 Feb.	3月 Mar.
4月生 April admission	初級(380H) Elementary						初中級(80H) Pre-Intermediate	中級(500H) Intermediate						上級 I (400H) Advanced I						上級 II (160H) Advanced II				
7月生 July admission	初級(190H) Elementary						初中級(80H) Pre-Intermediate	中級(500H) Intermediate						上級 I (400H) Advanced I						上級 II (160H) Advanced II				
10月生 October admission	初級(380H) Elementary						初中級(80H) Pre-Intermediate	中級(500H) Intermediate						上級 I (400H) Advanced I						上級 II (160H) Advanced II				
1月生 January admission	初級(190H) Elementary						初中級(80H) Pre-Intermediate	中級(500H) Intermediate						上級 I (400H) Advanced I						上級 II (160H) Advanced II				
東京校 Tokyo	1年目 Year 1												2年目 2nd year											
4月生 April admission	初級(380H) Elementary						初中級(80H) Pre-Intermediate	中級(500H) Intermediate						上級 I (400H) Advanced I						上級 II (160H) Advanced II				
7月生 July admission	初級(380H) Elementary						初中級(80H) Pre-Intermediate	中級(500H) Intermediate						上級 I (370H) Advanced I										
10月生 October admission	初級(380H) Elementary						初中級(80H) Pre-Intermediate	中級(500H) Intermediate						上級 I (180H) Advanced I										
1月生 January admission	初級(190H) Elementary						初中級(80H) Pre-Intermediate	中級(500H) Intermediate						上級 I (180H) Advanced I										

時間割(例)

Schedule (Example)

	月 Monday	火 Tuesday	水 Wednesday	木 Thursday	金 Friday
初級 Beginner	発音 Pronunciation	発音 Pronunciation	発音 Pronunciation	発音 Pronunciation	発音 Pronunciation
	漢字 Kanji	漢字 Kanji	漢字 Kanji	漢字 Kanji	漢字 Kanji
	みんなの日本語 (語彙・文法・聴解) Minna no Nihongo (Vocabulary, Grammar, Listening)	みんなの日本語 (語彙・文法・聴解) Minna no Nihongo (Vocabulary, Grammar, Listening)	みんなの日本語 (語彙・文法・聴解) Minna no Nihongo (Vocabulary, Grammar, Listening)	みんなの日本語 (語彙・文法・聴解) Minna no Nihongo (Vocabulary, Grammar, Listening)	みんなの日本語 (語彙・文法・聴解) Minna no Nihongo (Vocabulary, Grammar, Listening)
初中級から上級まで Intermediate to Advanced	会話 Conversation	作文 Composition	読解 Reading	発音 Pronunciation	発音 Pronunciation
	発音 Pronunciation	漢字 Kanji	漢字 Kanji	漢字 Kanji	漢字 Kanji
	JLPT文法 JLPT Grammar	JLPT文法 JLPT Grammar	JLPT文法 JLPT Grammar	JLPT文法 JLPT Grammar	JLPT文法 JLPT Grammar
主教材 Main Textbook	主教材 Main Textbook	主教材 Main Textbook	主教材 Main Textbook	主教材 Main Textbook	主教材 Main Textbook
	会話 Conversation	聴解 Listening	作文 Composition	読解 Reading	主教材 Main Textbook

※授業時間週5日(月～金) 午前クラス9時～12時25分、午後クラス13時～16時25分
 ※Class hours: 5 days a week (Monday-Friday) morning class: 09:00-12:25; afternoon class: 13:00-16:25

学費

Tuition Fees

初年度納入費用(全コース) Payment for 1st Year (All Courses)

(税込) (tax included)

	入学検定料 Registration Fee	入学金 Enrollment Fee	授業料 Tuition Fee	教材費 School Material Fee	設備費 School Facility Fee	課外活動費 Extra-curricular Activity Fee	健康診断費 Health Screening Fee	学生災害保険費 Disaster Insurance Fee	合計 Total
神戸校 Kobe	20,000円	50,000円	630,000円	20,000円	30,000円	10,000円	5,000円	16,040円	781,040円
東京校 Tokyo	20,000円	50,000円	660,000円	20,000円	30,000円	10,000円	5,000円	16,040円	811,040円

※次年度は入学検定料と入学金がかかりません。
 ※No registration fee and admission fee will be charged for the next academic year.
 ※第二年不需要再缴纳报名费和入学金。
 ※Không thu phí kiểm tra đầu vào và phí nhập học của năm học tiếp theo.



副学院長 呉本 妹己
 VICE-PRINCIPAL MAIKO KUREMOTO

神戸は早くから外国人が多く住んでいる国際都市です。また、南は海に面し、北は山を背にした。自然環境に恵まれたところでもあります。そこに住む人たちは多国籍文化に慣れ、とても親切です。そんな恵まれたところで日本語を学べることはすばらしいことだと思います。KIJ語学院は厳しくもあり、優しくもある学校です。希望にあふれたあなた方を待っています。

Kobe, an international city with many foreign residents since its early days, is blessed with a natural environment—its south faces the ocean; its north faces the mountains. Its residents are accustomed to multinational culture and are very kind-hearted. Would it not be great if you could study Japanese in such a favorable environment? KIJ Language Academy is a school that is both strict and friendly. I look forward to seeing you hopeful individuals come study here.

神戸は一座以前から就有好多外国人居住的国际城市。又是一座南边面临海,北边靠山的自然环境胜地之地。居民习惯接触多国籍文化,因此对他人也很亲切。在那种优势条件下学日语你不觉得幸运吗? KIJ语学院是一所又严格,又亲切的学校。等待充满了期望的你们来学习啊!

Kobe là một thành phố quốc tế từ lâu đã có rất nhiều người nước ngoài sinh sống. Đây cũng là nơi được thiên nhiên ưu đãi với phía Nam giáp với biển và phía Bắc dựa vào núi. Người dân đã quen với việc tiếp xúc với nền văn hóa đa quốc gia nên rất thân thiện. Thật tuyệt vời khi được học tập tại một môi trường thuận lợi như vậy phải không? Học viện ngôn ngữ KIJ là một ngôi trường vừa nghiêm khắc lại vừa thân thiện. Chúng tôi đang chờ đợi các em, những con người đầy kỳ vọng đến để học tập!



本校教務主任 元村 尚美
 MANAGER OF ACADEMIC AFFAIRS NAOMI MOTOMURA

JLPTの合格、EJUでの高得点を目指すだけでなく、四技能をバランスよく学び、コミュニケーション能力を付けることを目指しています。多国籍の学生と学び、日本語力をつけるだけでなく、人間性も高めていきましょう。人生経験も豊富な先生方がみなさんをお待ちしています。

We aim not only to guide students to pass JLPT and obtain high scores in EJU, but also to encourage them to acquire a good balance of four primary language skills and develop communication skills. We hope you consider learning Japanese in our multinational environment while elevating your sense of humanity. Our teachers with broad experience in life look forward to seeing you.

Ngoài mục tiêu thi đỗ kỳ thi JLPT và đạt điểm cao trong kỳ thi EJU, chúng tôi mong muốn các em có thể học tập cân bằng tốt cả bốn kỹ năng và phát triển kỹ năng giao tiếp. Cũng học tập với các bạn học sinh đến từ nhiều nước trên thế giới, nên chúng tôi mong muốn các em không chỉ là tăng cường năng lực tiếng Nhật mà còn cả năng cao nhân cách con người nữa nhé! Những người thầy với nhiều kinh nghiệm sống đang đợi các em.

文部科学省外国人留学生学習奨励費 36万円 3万円/月

在籍の留学生の中から、成績・出席及び授業態度によって選考、1年に一回。

Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology (MEXT) Honors Scholarship for Privately-Financed International Students 360,000 yen 30,000 yen/month Awarded to 2-3 students, once a year, based on grades, attendance and study attitude.

文部科学省外国人留学生学習奨励費 36万円 3万円/月 在籍の留学生中、根据成绩出席以及平时上课的情况进行选考，每年1次

Học bổng của Bộ giáo dục khích lệ du học sinh 360,000 yên 30,000 yên/tháng Tuyển chọn dựa vào thành tích học tập, tỉ lệ chuyên cần và thái độ trong giờ học. Xét 1 năm 1 lần

学内奨学金

成績優秀、高出席率、且つ他の学生の模範となる者に対して、学内で協議のうえ、学期末に以下の褒賞が与えられる。

(1) 学院長賞 5万円

成績評価がすべてA以上で、なおかつ出席率が98%以上、成績トップ、他の学生の模範となる学生。

(2) 努力賞 2万円

総合評価がA以上、出席率が95%以上、且つ成績がクラス内でトップである学生。

(3) 皆勤賞 1万円

半年間(春学期・秋学期)の間、一度も欠席、遅刻、早退がない学生。

(4) 奨励賞 2万円

- I. 在学中に日本語能力試験N1に合格した学生に2万円。
II. 日本語能力試験N2に合格した非漢字圏の学生に1万円、漢字圏の学生に5千円。
III. 日本語能力試験N3に合格した非漢字圏の学生に5千円。

(5) 特別皆勤賞(入学時期により金額が異なる)

在学期間中、一度も欠席、遅刻、早退がない学生(卒業時に授与する)。



School Scholarships

Students with outstanding achievements and high attendance proportion will be awarded at the end of the semester after being considered and evaluated by the school.

- 1. Award of Headmaster 50,000 yen For outstanding students whose academic assessment is above A mark and attendance proportion is above 98%.
2. Award of Effort 20,000 yen For students whose academic assessment above is A mark, attendance proportion is above 95%, and grade is top in their class.
3. Award of perfect attendance 10,000 yen For students who are not absent, come to school late or leave school early during a semester.
4. Award of encouragement 20,000 yen
I. Award of 20,000 yen for students who pass JLPT N1 while enrolled at our school.
II. Award of 10,000 yen for students from countries with kanji background who pass the JLPT N2 while enrolled at our school.
III. Award of 5,000 yen for students from countries with non-kanji background who pass JLPT N3 while enrolled at our school.
5. Special award of perfect attendance (amount varies depending on enrollment period) For students who are not absent, come to school late or leave school early during the whole term (award at the time of graduation).

学校奨学金

对成绩优秀，出席率高，而且能起模范作用的学生，经学校研究决定后，在期末给予奖励。

- 1. 学院长赏 50,000 円 各科成绩评价必须是A以上、且出席率为98%以上且能起模范作用的学生。
2. 努力赏 20,000 円 综合成绩评价A以上，出席率95%以上，且成绩在班上排第一者。
3. 満勤赏 10,000 円 半年期间(春学期・秋学期)不迟到、不早退、不旷课者。
4. 奨励赏 20,000 円
I. 在校中考上日语能力测验N1的学生(2万円)。
II. 在校中考上日语能力测验N2且该学生非汉字圈者1万円，汉字圈者5千円。
III. 在校中考上日语能力测验N3且该学生非汉字圈者5千円
5. 特別満勤賞(根据入学时期金额有所不同) 在学期间不迟到、不早退、不旷课者(毕业时授予)。

Học bổng trong trường

Đối với những học sinh gương mẫu, có thành tích học tập ưu tú và tỉ lệ chuyên cần cao, vào cuối học kì trường sẽ xem xét và trao các học bổng như dưới đây

- 1. Học bổng của Hiệu trưởng 50,000 yên Dành cho học sinh gương mẫu, điểm tất cả các môn từ A trở lên và tỉ lệ đến lớp từ 98% trở lên.
2. Học bổng nỗ lực 20,000 yên Dành cho học sinh có điểm tổng kết từ A trở lên, tỉ lệ đến lớp từ 95% trở lên và thành tích đứng đầu lớp.
3. Học bổng chuyên cần 10,000 yên Dành cho học sinh không vắng hay đi trễ, về sớm bất kì buổi nào trong suốt nửa năm học (học kì Xuân/học kì Thu).
4. Học bổng khích lệ 20,000 yên
I. Thường 20,000 yên cho học sinh thi đỗ kì thi năng lực Nhật ngữ N1 khi đang học ở trường.
II. Thường 10,000 yên cho học sinh (không thuộc quốc gia dùng hàn tự) thi đỗ kì thi năng lực Nhật ngữ N2 khi đang học ở trường. Thường 5000 yên cho học sinh thuộc quốc gia có sử dụng hàn tự
III. Thường 5000 yên cho học sinh (không thuộc quốc gia dùng hàn tự) thi đỗ kì thi năng lực Nhật ngữ N3 khi đang học ở trường.
5. Học bổng chuyên cần đặc biệt (Số tiền thay đổi tùy theo thời điểm nhập học) Dành cho học sinh không vắng hay đi trễ, về sớm bất kì buổi nào trong suốt thời gian học tại trường (sẽ trao học bổng lúc tốt nghiệp).

大学院

国立/大阪大学大学院研究科、九州大学大学院研究科、京都大学大学院研究科、京都工芸繊維大学大学院研究科、神戸大学大学院研究科、信州大学大学院研究科、千葉大学大学院研究科、東京大学大学院研究科、東京外国語大学大学院研究科、徳島大学大学院研究科、名古屋大学大学院研究科、鳴門教育大学大学院研究科、兵庫教育大学大学院研究科、弘前大学大学院研究科、広島大学大学院研究科、北海道教育大学大学院研究科、三重大学大学院研究科、和歌山大学大学院研究科

公立/大阪市立大学大学院研究科、大阪府立大学大学院研究科、京都市立芸術大学大学院研究科、神戸外国語大学大学院研究科、名古屋市立大学大学院研究科、兵庫県立大学大学院研究科

私立/大阪経済大学大学院、神奈川大学大学院、関西大学大学院研究科、京都情報大学大学院、神戸親和大学大学院、多摩美術大学大学院、中央大学大学院、同志社大学大学院研究科、明治大学大学院、立命館大学大学院研究科、龍谷大学大学院研究科、早稲田大学大学院研究科

大学

国立/秋田大学、大阪教育大学、滋賀大学、福島大学

公立/沖縄県立芸術大学、鳥取環境大学、兵庫県立大学

私立/芦屋大学、追手門学院大学、大阪経済大学、大阪産業大学、大阪女学院大学、大阪成蹊大学、大手前大学、嘉悦大学、関西大学、関西国際大学、関西学院大学、京都産業大学、京都精華大学、京都ノートルダム女子大学、近畿大学、神戸医療福祉大学、神戸学院大学、神戸芸術工科大学、神戸国際大学、神戸夙川大学、神戸親和大学、神戸山手大学、国土館大学、四国大学、上智大学、鈴鹿大学、専修大学、第一工業大学、帝京大学、帝塚山大学、東海大学、東京福祉大学、奈良大学、日本大学、日本経済大学、阪南大学、東大阪大学、姫路獨協大学、法政大学、明海大学、桃山学院大学、大和大学、立教大学、龍谷大学、流通科学大学、和光大学

短期大学

私立/大阪成蹊短期大学、四国大学短期大学部、徳島工業短期大学、東大阪大学短期部

専門学校

ECC国際外語専門学校、ICT専門学校、YICビジネスアート専門学校、アートカレッジ専門学校、愛甲学院専門学校、エール学園、大阪YMCA国際専門学校、大阪アニメーションカレッジ専門学校、大阪コミュニティワーカー専門学校、大阪動物海洋専門学校、大原外語観光&ブラダールビューティー専門学校、大原学園、関西国際旅行・ホテル専門学校、京都外国語専門学校、京都コンピュータ学院、神戸電子専門学校、神戸リハビリテーション福祉専門学校、駿台観光&外語ビジネス専門学校、東亜経理専門学校、東京国際ビジネスカレッジ神戸校、富山情報ビジネス専門学校、トヨタ自動車大学校、日本工科大学校、日本モータースポーツ専門学校、日本理工情報専門学校、阪神自動車航空鉄道専門学校、ビジュアルアーツ専門学校、和歌山コンピュータービジネス専門学校

指定校推薦 ●大学院:京都情報大学院大学、神戸親和大学大学院 ●大学:関西国際大学、神戸学院大学、神戸国際大学、神戸親和大学、日本経済大学、姫路独協大学、山梨学院大学、流通科学大学等

提携大学 神戸親和大学、流通科学大学

Graduate School

- National university / Osaka University, Kyushu University, Kyoto University, Kyoto Institute of Technology, Kobe University, Shinshu University, Chiba University, The University of Tokyo, Tokyo University of Foreign Studies, Tokushima University, Nagoya University, Naruto University of Education, Hyogo University of Teacher Education, Hiroaki University, Hiroshima University, Hokkaido University of Education, Mie University, Wakayama University
Public University / Osaka City University, Osaka Prefecture University, Kyoto City University of Arts, Kobe City University of Foreign Studies, Nagoya City University, University of Hyogo, Private University / Osaka University of Economics, Kanagawa University, Kansai University, The Kyoto College of Graduate Studies for Informatics, Kobe Shinwa University, Tama Art University, Chuo University, Doshisha University, Meiji University, Ritsumeikan University, Ryukoku University, Waseda University

University

- National university / Akita University, Osaka Kyoiku University, Shiga University, Fukushima University, Public university / Okinawa Prefectural University of Arts, Tottori University Of Environmental Studies, University of Hyogo, Private University / Astya University, Otemon Gakuin University, Osaka Sangyo University, Osaka Jogakuin University, Osaka Seikei University, Otemae University, Kaetsu University, Kansai University, Kansai University of International Studies, Kansai Gakuin University, Kyoto Sangyo University, Kyoto Seika University, Kyoto Notre Dame University, Kindai University, Kobe University of Welfare, Kobe Gakuin University, Kobe Design University, Kobe International University
Kobe Shukugawa Gakuin University, Kobe Shimwa University, Kobe Yamate University, Kokushikan University, Shikoku University, Sophia University, Suzuka University, Tottori University Of Environmental Studies, Daiichi Institute Of Technology, Teikyo University, Tezukayama University, Tokai University, Osaka University of Social Welfare, Nara University, Nihon University, Japan University of Economics, Hannan University, Higashiosaka College, Himeji Dokkyo University, Hosei University, Meikai University, St. Andrew's University, Yamato University, Rikkyo University, Ryukoku University, University of Marketing and Distribution Sciences, Wako University

Junior College

- Osaka Seikei College, Shikoku University Junior College

Vocational School

- ECC Kokusai College Of Foreign Languages, ICT Vocational School, YIC Business Art College, Art College Kobe, Aicoh School of Liberal arts, Ehle Institute, Osaka YMCA International College, Ohara Foreign Language Tourism Bridal Beauty Vocational School, Ohara Academy, Kansai International Institute Of Tourism And Hospitality, Kyoto Career College of Foreign Languages, Kyoto Computer Gakuin
Kobe Institute of Computing, Kobe Rehabilitation Welfare College, Sundai Tourism Foreign Language Business Vocational School, Toa Accounting Professional Training College, Tokyo International Business College Kobe Campus, Toyama College Of Business And Information Technology, Toyota Automotive Engineering College Of Kobe, Japan Engineering College, Japan MotorSports College, Japan Science and Technology Information College, Hanshin Institute of Technology, Visual Arts College, Wakayama Computer Business College

Designated School Recommendation

- Graduate School: The Kyoto College of Graduate Studies for Informatics, Kobe Shinwa University, Himeji Dokkyo University, Yamanaishi Gakuin University, University of Marketing and Distribution Sciences etc.
Kobe Shinwa University, Japan University of Economics, Himeji Dokkyo University, Yamanaishi Gakuin University, University of Marketing and Distribution Sciences etc.

partner university

- Kobe Shinwa University, University of Marketing and Distribution Sciences



東京校教務主任 山崎 令賀

いろいろな思いを持って日本留学を決意したみなさんの気持ちを大切にしたいと考えています。時には厳しいこともありますが、1人1人の将来を考えた指導を心がけています。

日本語を読み・書き・聞き・話す能力はもちろん、日本文化や日本で生活する上で必要なことまで幅広く学びましょう。また日々の会話や他国の学生との交流を通じて、コミュニケーション能力向上も目指します。私達と一緒に頑張りましょう。

We would like to value the feelings of everyone who has made the decision to study in Japan with various thoughts and feelings. Although we may be strict at times, we try to provide guidance with each student's future in mind.

We will teach you not only how to read, write, listen, and speak Japanese, but also Japanese culture and what it takes to live in Japan. We also aim to improve your communication skills through daily conversation and interaction with students from other countries. Let's work hard together with us.

我原珍视怀揣着各自不同的心愿决意来到日本留学的各位同学们的这份心情。虽然有时也会严厉批评，但会为每一位同学的将来着想进行指导。日语的听说读写能力自不必说，更要广泛的学习日本文化或在日本生活中所必要的知识。另外，还可以在日常生活或与其他国家的同学交流中，不断提高语言沟通能力。让我们一起努力吧。

Tôi rất trân trọng tinh thần của tất cả học sinh đã lựa chọn con đường du học Nhật Bản khi mang trong mình nhiều suy nghĩ khác nhau. Đôi khi tôi có những lời nói nghiêm khắc, nhưng tôi luôn cố gắng hướng dẫn tỉ mỉ khi hỗ trợ định hướng tương lai cho từng học sinh. Hãy mở rộng việc học tập, không chỉ là khả năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Nhật mà hãy học hỏi các nét văn hóa Nhật Bản và những điều cần thiết trong quá trình sinh sống tại Nhật. Ngoài ra, hãy đặt mục tiêu nâng cao kỹ năng giao tiếp bằng cách thông qua các cuộc trò chuyện và giao lưu với học sinh đến từ các quốc gia khác nhau. Chúng ta cùng nhau cố gắng nhé!



生活指導 羅 運慶

日本に来て留学生生活を送るときに、いろいろな心配があると思います。今までと違った生活習慣、文化、ルール・マナーで悩んだり、病気になったときなど言葉が通じなくて困ったりすることもあります。そういった状況が発生したときは私の出番になります。全力を尽くしてサポートしていきますので、安心してお任せください。

I am sure you have many concerns regarding study abroad life in Japan. Things that may worry you include differences in lifestyle, culture, rules and etiquette, as well as the language barrier that exists especially during difficult times such as when you fall ill. It is my duty to support you when such situations arise. I will try my very best to assist you, so please rest assured and leave it to me.

来到日本度过留学生活，我想大家一定会有诸多担心的事情。为与以前完全不同的生活习惯、文化、规则、礼仪而烦恼，为生病时语言不通而困惑等事时有发生。然而此时，就是我出场的时候了。我一定会全心全意为同学们提供保障，请安心地交给我吧。

Thầy nghĩ rằng các em sẽ có rất nhiều băn khoăn, lo lắng khi đến Nhật Bản du học. Các em sẽ có thể sẽ lo lắng về sự khác biệt trong lối sống, văn hóa, quy tắc và cách cư xử hoặc sẽ gặp khó khăn khi bị ốm, bệnh mà không thể hiểu và truyền tải ngôn ngữ. Nếu gặp phải những vấn đề đó thầy sẽ giúp đỡ các em. Thầy sẽ cố gắng hết sức để hỗ trợ các em, các em hãy yên tâm nhé



生活指導 チュオン ティ ミンゴック

私はKIJ語学院の卒業生です。留学生活はとても大変だと思いますが、その大変さを乗り越えて、頑張ってください。わからないこと、困ったことがあればいつでも相談しに来てください。私たち職員が皆さんの生活をしっかりサポートします。自分の能力で多くの留学生の役に立ちたいと思っています。みなさん、一緒に頑張りましょう！

I am an alumna of KIJ Language Academy. Study abroad life may be very tough, but please overcome that difficulty and study hard. If you have any questions or problems, feel free to look for me. Members of school staff and I are always ready to provide support to your study abroad life. I would like to use Japanese and Vietnamese language ability to help international students. Let us do our best together!

我是KIJ语学院的毕业生。留学生活有很多困难与艰辛，大家一定要将其克服，努力学习。如果有什么不明白的事情，或者遇到什么困难，请随时与我沟通。我们职员们会全力帮助大家。我希望能用尽自己的能力为更多的留学生提供帮助，大家一起努力吧！

Tôi là học sinh đã tốt nghiệp của trường KIJ. Cuộc sống du học thật sự rất vất vả, thế nhưng để vượt qua sự vất vả và khó khăn đó các bạn hãy cố gắng học tập nhé. Nếu có điều gì không hiểu, gặp khó khăn các bạn hãy thảo luận với tôi nhé. Tôi và các thầy cô luôn luôn sẵn sàng hỗ trợ các bạn trong cuộc sống du học. Bằng khả năng của mình tôi muốn giúp đỡ nhiều bạn du học sinh. Các bạn cùng nhau cố gắng nha!

Table with 4 columns: Month (e.g., 4 April, 5 May), Event Name (e.g., 新入生入学式 / 春学期スタート), English Description, and Vietnamese Description.

Table with 4 columns: Month (e.g., 10 October, 11 November), Event Name (e.g., 新入生入学式 / 秋学期スタート), English Description, and Vietnamese Description.

新入生歓迎遠足



文化交流会



課外活動



卒業旅行



卒業記念コンサート



卒業式



学生のメッセージ

NGUYEN PHUOC THAT (ベトナム) 流通科学大学 University of Marketing and Distribution Sciences



夢を実現するのは本当に難しいことです。KIJ 語学院は日本語の勉強だけでなく、日本文化などについても教えてください。

Making dreams come true is really a difficult task. KIJ teaches not only Japanese language but also Japanese culture. The school has a team of experienced teachers.

实现梦想绝非易事。在KIJ语学院不光可以学习到日语，更传授日本文化等内容。这里有经验丰富的老师，也有在困难时伸出援手提供帮助的越南人职员。

陆 钰菱 (中国) 大阪市立大学大学院 Osaka City University Graduate School



私は2019年4月にKIJ語学院に入学しました。入学前に、大学で第二外国語として日本語を2年ほど勉強しました。

I joined KIJ Language Academy as a student in April 2019. Before enrolling, I only learned Japanese as a second language in university for two years.

我在2019年4月份进入KIJ语学院学习。入学之前，日语只是作为第二外语在大学学习过两年。在KIJ语学院学习之后才对日语进行系统性的学习。

MALINDI (スリランカ) 神戸親和大学 Kobe Shinwa University



日本に来たとき、私は基礎レベルの日本語しかできません。最初は少し緊張していました。日本の生活に適應できるか、周りの人たちが受け入れてくれるか、不安でした。

I only had basic knowledge of Japanese language when I arrived in Japan. At first, I was a little nervous. I was unsure if I could adapt to the Japanese lifestyle and if I would be accepted here.

赴日当初、我只有基础日语水平。刚开始我有点紧张，又不太有信心能适应日本生活环境。又不知道当地人会不会接受我，导致我心里感到不安。

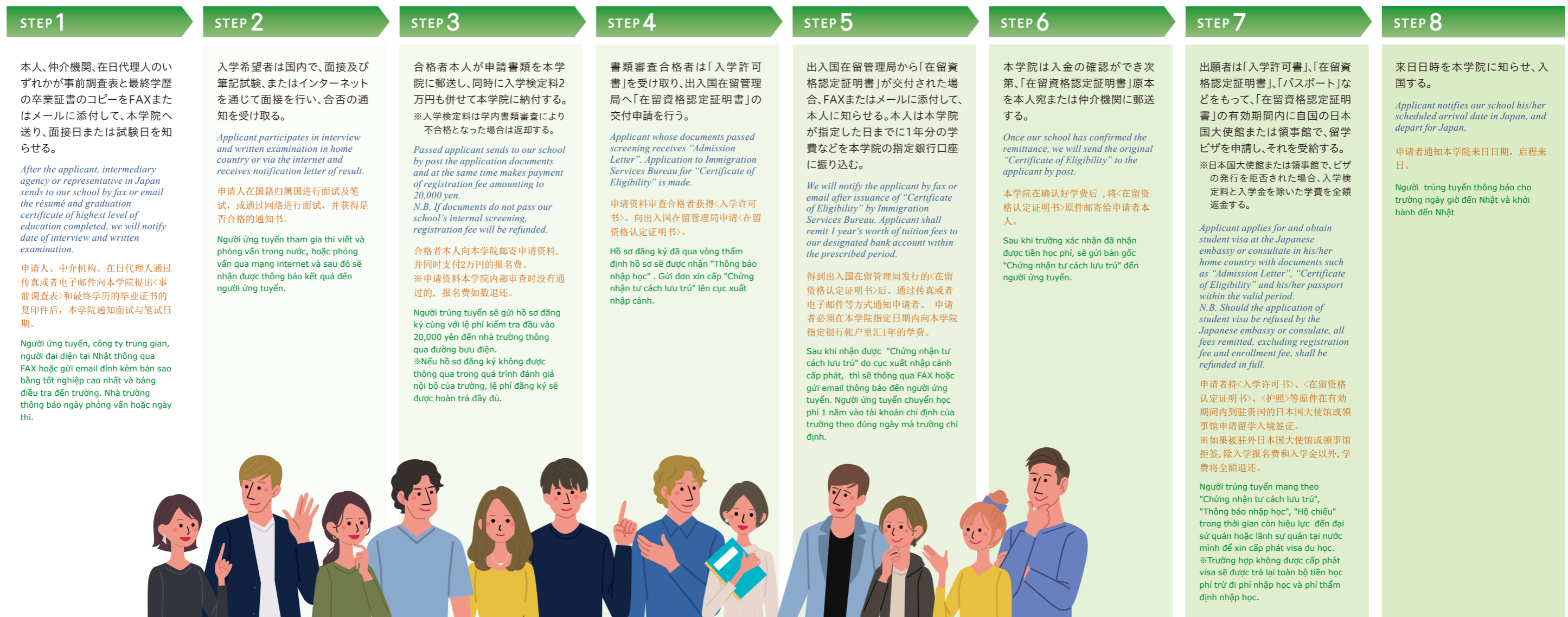
ISLAM TARIKUL (バングラデシュ) 追手門学院大学 Otemon Gakuin University



KIJ語学院は、設備も充実していて、アクティビティも豊富で、学習への集中力を引き出してくれます。先生やスタッフの対応にどれほど驚いたかを今でも覚えています。

At KIJ, the school infrastructure is well-developed, and there are many activities that help me focus on my studies. I still remember how surprised I was by the assistance provided by school teachers and staff.

KIJ具有完善的教学设备，丰富的课外活动，使得我可以专心学习。我仍然记得初来日本时受学校老师和导师的协助，我感到多么地惊讶。他们的谆谆教导，不仅仅让我克服了学习的压力，更使得我可以适应日本的生活。



卒業生の声 Student voice 毕业生的感言 TIẾNG NÓI CỦA HỌC SINH ĐÃ TỐT NGHIỆP

邹梦露 (中国)
徳島大学大学院 Tokushima University Graduate School

私にとって、KIJに入ったことはすごくラッキーなことです。未知の国で、KIJは家族のようにいろいろと気を配ってくださいました。先生方の注意や励ましの中で、私はどんどん成長していくことができました。学校での勉強だけではなく、大学への進学、卒業後の進路についても、先生たちがいろいろとアドバイスしてくださったおかげで、進むべき道に迷っていた自分が、自信を持って夢に向かって進む力を持つようになりました。KIJがしてくださったことに心から感謝しています。ここで過ごした時間が一生忘れられないものとなりました。

To me, I feel very fortunate to have entered KIJ. In an unfamiliar country, KIJ looks after and cares for me like family, providing me with criticism and encouragement, thereby allowing me to grow a lot. In school, other than learning Japanese, I also receive various advice from teachers about further education at universities and plans after graduation. It was with my teachers' advice that I, who once felt completely lost about what to do in the future, managed to gain the confidence and power to move forward to pursue my dream. I am truly grateful for everything KIJ has done for me. I will never forget the time I spent here.

能够进入KIJ对于我来说是一件十分幸运的事。在这个陌生的国度，KIJ就像家人一样给予我关怀和照顾，也给予我批评和鼓励，使我成长了许多。在学校，除了学习日语之外，老师们还会针对大学的升学以及毕业后的规划问题给予许多建议，正是因为有了老师们的建议，才让对于未来充满迷茫的我有了自信，有了向着梦想前进的力量。感谢KIJ为我付出的一切，我想我永远也不会忘记在这里度过的时光。

曾文博 (中国)
九州大学大学院 Kyusyu University Graduate School

KIJ語学院を卒業してほぼ一年になりますが、今私はそこで学んだ時間を非常になつかしく感じています。その期間が私に、ほぼ満点に近い成績でN1を合格するほどの日本語能力を持つに至らせ、大学院入試で問題解答の技術を身につけて好成绩を収め、セミナーで何の苦勞もなく発言できる自信を持たせてくれました。幸運なことにはKIJ語学院で私は授業経験豊富な、親しみやすい先生方に会え、先生方の指導が私に新しい挑戦に対応する十分な能力を培わせ、先生方の心遣いが異国の地にいる私に孤独感を感じさせませんでした。もしあなたが私のように自分の留学生活に堅実な基礎を築きたいなら、KIJ語学院は最もよい選択だと思います。

Despite having graduated for almost a year now, I still feel very nostalgic about the time I spent studying at KIJ. This study experience has imparted me with the proficiency in Japanese to pass N1 with almost full marks, the skills required to pass graduate school entrance examination with good grades, and the confidence to make a speech at seminars without much difficulty. I feel fortunate to have met extremely experienced and approachable teachers at KIJ. Their guidance has sufficiently cultivated my ability to cope with new challenges, and with their kind consideration, never have I felt lonely in this foreign land. If you would like to build a solid foundation for your study abroad experience just like me, I highly recommend KIJ as your first choice.

即使毕业将近一年了，我还是非常怀念在KIJ语学院的学习时光。这段时光给予我的，是半年内从N1刚好及格到接近满分的日语能力提升，是在大学院入试中旗开得胜的解题技巧，是在研讨会上游刃有余的自信源泉。庆幸能遇到KIJ语学院授课经验丰富、亦师亦友的老教师们，他们的指导让我有充足的能力应对新的挑战，而他们的关怀让我身在异国他乡却不曾感到孤独。如果你也希望像我一样为自己的留学生活打下坚实基础，那我相信KIJ语学院是你最好的选择。

SONAM WANGMO (ブータン)
大阪女学院大学 Osaka Jogakuin University

過去は変えられないが、未来は変えられるということばかりあります。私がブータンから日本に来た時、とても不安な気持ちでした。家族もいないし、言葉もあまりわからなくて、困ったことも沢山あります。でも私はそれを、チャレンジとして考え頑張りました。KIJ語学院の先生達は親身になってアドバイスをしてくれたり、助けてくれました。みんな夢の実現のために勉強してください。毎日コツコツやれば、出来ないことはないです。自分の目標や夢を叶えるために頑張ってください。

To me, I feel very fortunate to have entered KIJ. In an unfamiliar country, KIJ looks after and cares for me like family, providing me with criticism and encouragement, thereby allowing me to grow a lot. In school, other than learning Japanese, I also receive various advice from teachers about further education at universities and plans after graduation. It was with my teachers' advice that I, who once felt completely lost about what to do in the future, managed to gain the confidence and power to move forward to pursue my dream. I am truly grateful for everything KIJ has done for me. I will never forget the time I spent here.

有句话我印象最深，那就是：虽然过去无法改变，但未来可以。我刚从不丹来到日本的时候，心情很不安。这里既没有家人，语言也不通，有诸多烦恼不便。但是，我把那些困难都当做挑战去奋斗。KIJ语学院的老师们就像家人一般给予我各种建议，在我遇到困难的时候给予我帮助。只要每天坚持不懈地去努力，就不会有做不到的事情。大家为实现自己的目标 and 梦想加油努力吧。

